



SỞ GD&ĐT LONG AN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A1 NĂM HỌC 2023-2024

TIẾNG ANH HỆ 10 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP CŨ	Điểm TB
1	Đặng Nguyễn Xuân	Ngân	11A1	9,7
2	Nguyễn Phạm Khánh	Du	11A1	9,3
3	Trần Thị Quỳnh	Lam	11A1	9,3
4	Đoàn Thị Minh	Thư	11A1	9,2
5	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	11A1	9,2
6	Nguyễn Xuân Mỹ	Ngọc	11A1	9,1
7	Trần Thanh Như	Nguyệt	11A1	9,1
8	Đỗ Lê Bảo	Trần	11A1	9,1
9	Nguyễn Huỳnh Vân	Khánh	11A1	9
10	Nguyễn Hữu	Tuấn	11A1	8,9
11	Nguyễn Trung	Hậu	11A1	8,9
12	Đỗ Trọng	Phúc	11A1	8,9
13	Nguyễn Anh	Tuấn	11A5	8,8
14	Nguyễn Hoài	Hào	11A1	8,8
15	Ngô Thị Thúy	Hằng	11A1	8,8
16	Nguyễn Thị Kiều	Hương	11A1	8,8
17	Đỗ Châu Yên	Lan	11A1	8,8
18	Trần Quang	Đại	11A5	8,7
19	Phạm Thị Ngọc	Hà	11A1	8,7
20	Ngô Thị Xuân	Uyên	11A4	8,7
21	Chung Dương Gia	Mỹ	11A1	8,7
22	Đỗ Quang	Tiến	11A1	8,6
23	Võ Huỳnh Quốc	Thái	11A1	8,6
24	Hồ Sỹ	Bằng	11A3	8,6
25	Nguyễn Thị Minh	Thư	11A3	8,6
26	Kiến Huỳnh Khánh	Linh	11A3	8,5
27	Nguyễn Hải	Ấu	11A1	8,5
28	Trương Phước	Tài	11A1	8,4
29	Châu Huỳnh Thanh	Thi	11A1	8,4
30	Phan Trần Thanh	Ngân	11A1	8,3
31	Trần Nhật	Bằng	11A2	8,3
32	Lê Vũ Anh	Hào	11A3	8,3
33	Phạm Quốc	Cường	11A5	8,2
34	Lê Công	Ty	11A5	8,2
35	Lê Nguyễn Huyền	Trần	11A5	8,2
36	Trương Thị Thanh	Trúc	11A5	8,2
37	Lê Thị Mộng	Trâm	11A4	8,1
38	Lê Phương	Ngân	11A5	8
39	Võ Huỳnh Như	Phương	11A5	8
40	Trần Huỳnh Xuân	Phương	11A2	7,9
41	Trương Ngọc	Thuận	11A2	7,9
42	Nguyễn Quốc	Thái	11A2	7,8
43	Nguyễn Điền	Viên	11A5	7,8
44	Trần Nguyên	Vũ	11A5	7,8
45	Võ Hoàng	Sang	11A3	7,7

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A2 NĂM HỌC 2023-2024

TIẾNG ANH HỆ 10 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP CŨ	Điểm TB
1	Trần Ngọc Khánh	Tiên	11A1	9,3
2	Trương Ngọc Minh	Thư	11A1	9,3
3	Trần Hương	Ngân	11A1	9,2
4	Võ Trần Khánh	An	11A3	9,1
5	Phí Đình	Tùng	11A4	9,1
6	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	11A1	9,1
7	Nguyễn Gia	Hân	11A1	9,1
8	Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	11A1	9
9	Huỳnh Thị Kiều	Phương	11A1	8,9
10	Nguyễn Thị Kim	Thư	11A1	8,9
11	Tô Kiều	My	11A1	8,8
12	Mã Kim	Ngọc	11A1	8,8
13	Đỗ Phúc	Nguyên	11A2	8,8
14	Đỗ Trần Thảo	Vy	11A2	8,8
15	Tổng Tử	Quân	11A3	8,8
16	Nguyễn Thị Thảo	Vy	11A3	8,8
17	Trương Thị Ánh	Nhi	11A1	8,7
18	Nguyễn Tấn	Vinh	11A1	8,7
19	Nguyễn Khánh	An	11A3	8,7
20	Nguyễn Thị Trúc	Linh	11A1	8,7
21	Bùi Lê Tấn	Khải	11A1	8,6
22	Nguyễn Trương Gia	Nghi	11A1	8,6
23	Dương Tấn	Tài	11A1	8,6
24	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kiệt	11A5	8,5
25	Nguyễn Ngọc Minh	Thùy	11A4	8,5
26	Trần Hoàng	Huy	11A3	8,5
27	Huỳnh Vũ Minh	Khoa	11A2	8,4
28	Trương Tâm	Nhi	11A2	8,4
29	Võ Minh	Thành	11A3	8,3
30	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	11A4	8,3
31	Phạm Lê Trung	Tín	11A2	8,2
32	Văn Minh	Thuận	11A3	8,2
33	Phan Nguyễn Anh	Thư	11A3	8,2
34	Phan Thanh	Giàu	11A4	8,2
35	Ngô Tuấn	Vũ	11A4	8,1
36	Phan Huỳnh Hiếu	Nghĩa	11A2	8
37	Trần Anh	Khoa	11A3	8
38	Nguyễn Xuân	Phương	11A3	8
39	Đỗ Thành	Đạt	11A3	7,9
40	Lê Thị Hà	Thị	11A4	7,9
41	Nguyễn Anh	Tuấn	11A2	7,8
42	Lại Thanh Bảo	Hân	11A5	7,8
43	Văn Chí	Tâm	11A4	7,8
44	Nguyễn Kim Thiên	Ngân	11A4	7,7
45	Nguyễn Thị Mai	Thy	11A3	7,7

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A3 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 10 NĂM - TỰ NHIÊN+XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP CŨ	TN	XH	Điểm TB
1	Phạm Minh	Trí	11A5	X		7,6
2	Nguyễn Thanh	Vinh	11A5	X		7,6
3	Cù Khắc Thanh	Duy	11A2	X		7,6
4	Trần Phước	Hoàng	11A3	X		7,6
5	Hồ Hữu	Hiếu	11A4	X		7,6
6	Phan Huỳnh	Hưng	11A2	X		7,5
7	Trần Ngọc Phi	Vân	11A2	X		7,5
8	Nguyễn Lê Hoàng	Phú	11A4	X		7,5
9	Nguyễn Đức	Trí	11A2	X		7,4
10	Trần Lê Đại	Lộc	11A4	X		7,4
11	Trương Minh	Tú	11A4	X		7,3
12	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11A4	X		7,3
13	Lê Nguyễn Đức	Phú	11A2	X		7,3
14	Phạm Tuyết	Nhung	11A5	X		7,2
15	Trương Công	Toàn	11A5	X		7,2
16	Nguyễn Minh	Tuấn	11A5	X		7,2
17	Hồng Thanh	Vinh	11A4	X		7,2
18	Trần Thị Thúy	Tuyền	11A5	X		7,1
19	Nguyễn Minh	Huy	11A5	X		7
20	Lữ Duy	Khánh	11A4	X		6,9
21	Huỳnh Phúc	Yên	11A2	X		6,9
22	Trương Tôn Ngọc	Anh	11A5	X		6,7
23	Bùi Đức	Vương	11A4	X		6,6
24	Châu Huỳnh Yến	Nhi	11A5	X		5,7
25	Nguyễn Trương Hoàng	Vinh	11A1	X		
26	Huỳnh Tấn	Lợi	11A3	X		
27	Lương Thái	Vĩnh	11A3	X		
28	Trương Phước	Lộc	11A5		X	6,8
29	Phạm Tuấn	Duy	11A2		X	6,7
30	Trần Thị Minh	Thư	11A2		X	6,7
31	Trương Đình	Hiếu	11A5		X	6,7
32	Đỗ Phú	Vinh	11A4		X	6,5
33	Nguyễn Ngọc Bích	Chi	11A2		X	6,4
34	Trần Thanh	Ngân	11A2		X	6,2
35	Lê Phương	Thùy	11A5		X	6
36	Huỳnh Thanh	Phú	11A4		X	
37	Nguyễn Thị Xuân	Trang	11A4		X	
38	Đoàn Thái	Minh	11A5		X	

Tổng cộng danh sách có 38 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A4 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 10 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP CŨ	Điểm TB
1	Phạm Nguyễn Thanh	Tuyền	11A1	8,7
2	Trần Ngọc Phương	Lâm	11A5	8,6
3	Nguyễn Thị Bình	Tin	11A3	8,5
4	Phan Thị Huyền	Trân	11A3	8,3
5	Nguyễn Ngọc Lam	Vy	11A1	8,2
6	Trần Bảo	Ngọc	11A2	8,2
7	Phạm Thị Mỹ	Hằng	11A4	8,1
8	Bùi Thị Thanh	Huyền	11A3	8
9	Văn Ngọc	Minh	11A3	8
10	Trương Thị Yên	Ngọc	11A3	8
11	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	11A2	7,9
12	Nguyễn Hà Quỳnh	Hương	11A2	7,7
13	Lê Huỳnh	Ngân	11A2	7,7
14	Đỗ Quỳnh	Như	11A2	7,7
15	Nguyễn Trương Trung	Trúc	11A2	7,7
16	Lê Tấn	Lộc	11A2	7,6
17	Huỳnh Trần Minh	Nhật	11A2	7,6
18	Trần Nguyễn Thiên	An	11A3	7,6
19	Bùi Nguyễn Mai	Thảo	11A3	7,6
20	Dương Thị Hồng	Đào	11A2	7,5
21	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	11A2	7,5
22	Trần Tấn	Phát	11A2	7,5
23	Nguyễn Thị Diễm	Huỳnh	11A3	7,5
24	Đinh Quốc	Huy	11A2	7,4
25	Huỳnh Thế	Nghĩa	11A2	7,4
26	Lê Minh	Tính	11A2	7,4
27	Bùi Minh Tấn	Lộc	11A3	7,4
28	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	11A3	7,4
29	Trần Thị Thanh	Ngân	11A2	7,3
30	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	11A2	7,3
31	Đoàn Duy	Khang	11A3	7,3
32	Ngô Minh	Thư	11A4	7,3
33	Lục Trần Minh	Đức	11A2	7,2
34	Nguyễn Tấn	Dũng	11A3	7,2
35	Đoàn Võ Quốc	Huy	11A4	7,2
36	Trần Minh Yên	Ngọc	11A3	7,1
37	Trương Bửu	Duy	11A4	7,1
38	Dương Gia	Bảo	11A2	7
39	Trần Đặng Song	Lam	11A2	7
40	Huỳnh Thị Tường	Linh	11A2	7
41	Nguyễn Phương	Uyên	11A5	7
42	Nguyễn Minh	Phát	11A4	6,9
43	Nguyễn Thành	An	11A2	6,8
44	Trần Ngọc Giáng	Hương	11A3	6,8
45	Huỳnh Mỹ	Trình	11A4	6,8

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A5 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 10 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP CŨ	Điểm TB
1	Nguyễn Đoàn Bảo	Trần	11A1	8,9
2	Trần Thị Ngọc	Thảo	11A1	8,7
3	Nguyễn Minh	Đông	11A3	8,5
4	Phan Thị Huỳnh	Như	11A4	8,4
5	Nguyễn Thị Diễm	My	11A5	8,3
6	Nguyễn Minh	Thắng	11A3	8,2
7	Đỗ Ngọc Hoài	Thương	11A5	8,2
8	Lê Thị Quỳnh	Hương	11A4	8,1
9	Lê Thị Thanh	Thúy	11A3	8
10	Võ Trần Hoài	Thương	11A4	8
11	Phạm Ngọc Xuân	Mai	11A5	8
12	Nguyễn Hoàng Khải	Hân	11A2	7,8
13	Đỗ Hoàng	Vũ	11A3	7,7
14	Nguyễn Ngọc Như	Ý	11A3	7,7
15	Đoàn Võ Huy	Hoàng	11A4	7,7
16	Tạ Gia	Hân	11A5	7,7
17	Nguyễn Thị Tường	Vy	11A3	7,6
18	Nguyễn Đông Phương	Huỳnh	11A4	7,6
19	Phan Minh	Khôi	11A5	7,6
20	Đỗ Hồng	Nguyên	11A3	7,5
21	Trương Kim	Duyên	11A4	7,5
22	Trương Kim Phương	Ngân	11A4	7,5
23	Đỗ Thị Trúc	Quỳnh	11A4	7,5
24	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	11A4	7,5
25	Trần Thị Bích	Ngân	11A4	7,4
26	Trần Thị Mộng	Bình	11A5	7,4
27	Nguyễn Tất	Đạt	11A5	7,4
28	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11A5	7,4
29	Phạm Nguyễn Phương	Vy	11A5	7,4
30	Tôn Nữ Huỳnh	Trang	11A4	7,3
31	Nguyễn Minh	Trí	11A4	7,3
32	Đoàn Công Hoàng	Thiện	11A5	7,3
33	Nguyễn Duy Giao	Linh	11A4	7,2
34	Nguyễn Lộc Nam	Phương	11A4	7,2
35	Huỳnh Yên	Ngọc	11A5	7,2
36	Thân Nguyễn Bảo	Hân	11A5	7,1
37	Nguyễn Thành	Khương	11A5	7,1
38	Nguyễn Hoàng	Phú	11A3	7
39	Võ Ngọc	Hân	11A4	7
40	Huỳnh Thị Trúc	Ngân	11A4	7
41	Nguyễn Hoàng	Bảo	11A3	7
42	Hoàng Kim Tuyết	Nhi	11A5	6,9
43	Nguyễn Thị Mỹ	Thu	11A3	6,8
44	Trần Kim	Ngọc	11A4	6,8
45	Trần Thiên	Phúc	11A4	6,8

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A6 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Lê Lan	Thy	11A6	9,5
2	Trương Hoài	Ân	11A6	9,4
3	Lê Thị Kim	Ngân	11A6	9,4
4	Nguyễn Ngọc Châu	Pha	11A6	9,4
5	Trần Minh	Thiện	11A6	9,4
6	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	11A9	9,4
7	Lê Ngọc	Hằng	11A6	9,3
8	Lê Thanh	Ngân	11A6	9,3
9	Phạm Nguyễn Thanh	Nhân	11A6	9,3
10	Võ Thị Minh	Phượng	11A6	9,3
11	Lê Thị Kim	Tuyền	11A6	9,3
12	Tạ Lê Yên	Vy	11A6	9,3
13	Hồ Thị Kim	Hồng	11A14	9,3
14	Võ Quốc	Bảo	11A6	9,2
15	Đặng Huỳnh Phương	Giao	11A6	9,2
16	Đào Thị Kiều	My	11A6	9,2
17	Trương Phúc	Thọ	11A6	9,2
18	Ngụy Quang	Hòa	11A11	9,2
19	Ngô Thanh	Tiến	11A11	9,2
20	Nguyễn Thị Thúy	An	11A14	9,2
21	Nguyễn Đức	Tài	11A10	9,2
22	Lý Thị Cẩm	Thu	11A6	9,2
23	Võ Thị Lan	Hương	11A10	9,2
24	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11A10	9,2
25	Bùi Thị Thu	Ngân	11A11	9,2
26	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	11A6	9,1
27	Đoàn Thị Quỳnh	Hoa	11A6	9,1
28	Nguyễn Hoàng Nhật	Khang	11A6	9,1
29	Trần Thị Mai	Liên	11A6	9,1
30	Lê Thị Cẩm	Ly	11A6	9,1
31	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	11A6	9,1
32	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	11A6	9,1
33	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	11A6	9,1
34	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	11A6	9,1
35	Võ Thị Hải	Yên	11A6	9,1
36	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	11A8	9,1
37	Nguyễn Hiền	Ngoan	11A9	9,1
38	Nguyễn Trung Huy	Hoàng	11A12	9,1
39	Nguyễn Thị Thảo	Trân	11A12	9,1
40	Nguyễn Thanh Yên	Vy	11A12	9,1
41	Trần Đức	Quân	11A10	9
42	Trần Ngọc	Trí	11A13	9
43	Phan Thị Diễm	My	11A14	9
44	Phan Thị Thùy	Dương	11A6	9
45	Châu Thị Kim	Quyên	11A12	9

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A7 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Kiều Thị Anh	Thư	11A6	9
2	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	11A6	8,9
3	Nguyễn Thị Huỳnh	Phuong	11A14	8,9
4	Nguyễn Lê Huỳnh	Như	11A10	8,9
5	Nguyễn Quang	Trường	11A6	8,9
6	Trần Thị Kim	Ngân	11A6	8,8
7	Trần Thị Anh	Thư	11A6	8,8
8	Trần Thị Huỳnh	Như	11A10	8,8
9	Trần Ngọc Tấn	Long	11A7	8,8
10	Trần Thị Cẩm	Tú	11A7	8,7
11	Lê Minh	Trí	11A6	8,7
12	Võ Ngọc	Hung	11A10	8,7
13	Lê Thanh	Tuyền	11A7	8,7
14	Phạm Mạnh	Cương	11A7	8,6
15	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11A7	8,6
16	Trương Phương	Yến	11A7	8,6
17	Nguyễn Tiến	Phát	11A8	8,6
18	Lê Tường	Huân	11A7	8,5
19	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	11A7	8,5
20	Nguyễn Thế	Vỹ	11A7	8,5
21	Nguyễn Minh	Châu	11A7	8,4
22	Nguyễn Thị Lan	Anh	11A10	8,4
23	Trần Thị Bảo	Ngọc	11A8	8,3
24	Võ Đình	Quý	11A8	8,3
25	Huỳnh Mai	Vy	11A8	8,3
26	Nguyễn Thị Kiều	Trang	11A7	8,2
27	Lê Thành	Đạt	11A9	8,2
28	Nguyễn Văn	Lộc	11A9	8,2
29	Phan Vũ	Thạch	11A7	8,1
30	Nguyễn Khánh	Linh	11A8	8,1
31	Lê Khắc Anh	Khoa	11A8	8
32	Nguyễn Toàn	Phúc	11A13	8
33	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	11A11	7,9
34	Phạm Thị Thảo	Vy	11A12	7,9
35	Phạm Thị Ngọc	Châu	11A15	7,8
36	Trần Duy	Khánh	11A14	7,5
37	Lê Minh	Luân	11A15	7,4
38	Nguyễn Trần Hoàng	Châu	11A8	7,3
39	Lê Minh	Luân	11A15	7
40	Nguyễn Tấn	Phát	11A8	

Tổng cộng danh sách có 40 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A8 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Trần Thị Nhã	Uyên	11A7	8,9
2	Nguyễn Anh	Thư	11A8	8,9
3	Nguyễn Ngọc	Hân	11A9	8,9
4	Lê Nguyễn Phương	Thy	11A6	8,9
5	Đặng Võ Minh	Phuong	11A7	8,8
6	Nguyễn Hữu	Hiền	11A8	8,8
7	Nguyễn Châu	Khanh	11A8	8,8
8	Trần Hoàng Nhựt	Huy	11A10	8,8
9	Lê Hồng Phúc	Thịnh	11A6	8,7
10	Trần Lê Phúc	Thịnh	11A8	8,7
11	Bùi Tấn	Phát	11A10	8,7
12	Nguyễn Quốc	Qui	11A9	8,7
13	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	11A8	8,6
14	Ngô Gia	Linh	11A9	8,6
15	Trương Thị Anh	Thư	11A10	8,6
16	Phan Huỳnh Ngọc	Trang	11A11	8,6
17	Nguyễn An	Khánh	11A14	8,5
18	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	11A10	8,5
19	Đỗ Thị Thảo	Sương	11A10	8,5
20	Nguyễn Ngọc Uyên	Như	11A10	8,4
21	Bùi Trọng	Trí	11A12	8,4
22	Nguyễn Hà Phương	Uyên	11A9	8,3
23	Trần Thị Ngọc	Chăm	11A9	8,3
24	Nguyễn Quốc	Thái	11A10	8,3
25	Phạm Thị Mỹ	Diệu	11A12	8,2
26	Võ Quang	Vinh	11A12	8,2
27	Đoàn Thị Kiều	Vy	11A13	8,2
28	Nguyễn Khánh	Toàn	11A11	8,1
29	Đoàn Quốc	Hoàng	11A12	8,1
30	Nguyễn Minh	Hoài	11A9	8
31	Phan Thành	Đạt	11A9	8
32	Nguyễn Hoàng	Phúc	11A15	7,9
33	Huỳnh Trần Tuấn	Anh	11A12	7,8
34	Nguyễn Hữu Nhựt	Điền	11A8	7,3
35	Hồ Lê	Nhựt	11A13	7,1
36	Nguyễn Ngọc Trường	Giang	11A13	7
37	Nguyễn Quang	Huy	11A15	6,9
38	Nguyễn Thị Phương	Tuyền	11A8	6,8
39	Lâm Hoàng	Khang	11A11	
40	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	11A10	

Tổng cộng danh sách có 40 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A9 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	11A8	9
2	Nguyễn Nhật	Tuyên	11A10	8,9
3	Trần Khánh	Đăng	11A11	8,9
4	Nguyễn Huỳnh Hiếu	Nghĩa	11A12	8,9
5	Trần Quỳnh	Như	11A12	8,9
6	Huỳnh Yến	Linh	11A7	8,8
7	Huỳnh Thành	Trung	11A15	8,8
8	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	11A10	8,8
9	Nguyễn Hữu	Hung	11A12	8,8
10	Nguyễn Ngọc Hoàng	Lam	11A10	8,7
11	Nguyễn Trọng	Trí	11A7	8,7
12	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	11A11	8,7
13	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	11A10	8,7
14	Trần Quang	Kính	11A9	8,6
15	Nguyễn Nhật	Triều	11A10	8,6
16	Nguyễn Chí	Cường	11A9	8,6
17	Huỳnh Thị Phương	Tuyền	11A11	8,6
18	Trương Thị Ánh	Tuyết	11A12	8,5
19	Lê Đoàn Thị Yến	Nhi	11A13	8,5
20	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	11A11	8,4
21	Phan Thị Kiều	Hân	11A10	8,3
22	Trần Phát	Đại	11A10	8,3
23	Trần Hoàng Tuấn	Khôi	11A10	8,3
24	Nguyễn Gia	Huy	11A14	8,2
25	Nguyễn Trần Phương	Oanh	11A14	8,2
26	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	11A10	8,2
27	Huỳnh Phạm Minh	Thư	11A14	8,1
28	Võ Trí	Tài	11A14	8,1
29	Đặng Thị Ngọc	Hân	11A12	8
30	Đỗ Phạm Anh	Trí	11A15	7,9
31	Trương Hoài	Sang	11A15	7,9
32	Trần Văn	Quang	11A14	7,8
33	Nguyễn Quốc	Duyệt	11A12	7,7
34	Đỗ Thanh	Sang	11A9	7,6
35	Trần Trí	Hải	11A13	7,4
36	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Khang	11A9	7,3
37	Trần Anh	Kiệt	11A15	7,1
38	Nguyễn Khánh	Ngọc	11A10	7
39	Trần Văn	Giàu	11A13	6,6
40	Phan Tấn	Kiệt	11A13	

Tổng cộng danh sách có 40 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A10 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - TỰ NHIÊN

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Đỗ Thị Thanh	Thảo	11A12	8,9
2	Trương Huỳnh Minh	Thư	11A6	8,9
3	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	11A15	8,9
4	Nguyễn Thụy Xuân	Trúc	11A12	8,8
5	Nguyễn Hà Mẫn	Nghi	11A13	8,8
6	Châu Lê Hoài	Ân	11A14	8,8
7	Nguyễn Thế	Duy	11A14	8,8
8	Phan Thanh	Trúc	11A15	8,8
9	Nguyễn Hoài Minh	Thu	11A9	8,7
10	Lê Nguyễn Khánh	Ngân	11A9	8,7
11	Trương Thị Thúy	Quỳnh	11A9	8,7
12	Nguyễn Thị Như	Huyền	11A12	8,7
13	Lê Thị Minh	Thơ	11A10	8,6
14	Lê Thị Minh	Thư	11A10	8,6
15	Nguyễn Lâm Hoài	Khanh	11A9	8,6
16	Đoàn Thị Khánh	Băng	11A13	8,6
17	Lê Trang Nhã	Uyên	11A13	8,6
18	Nguyễn Thị Kim	Cúc	11A11	8,5
19	Huỳnh Trương Minh	Nhật	11A14	8,5
20	Trương Thảo	Nguyên	11A9	8,4
21	Lê Huỳnh Thảo	Vy	11A13	8,4
22	Trần Trung	Phú	11A14	8,3
23	Hồng Diễm	My	11A15	8,3
24	Đỗ Thị Khánh	Vy	11A15	8,3
25	Nguyễn Quốc	Ý	11A14	8,2
26	Nguyễn Phát	Tài	11A15	8,2
27	Hồ Quang	Huy	11A12	8,1
28	Võ Thị Kim	Thủy	11A15	8,1
29	Lê Nhã	Phương	11A15	8,1
30	Lê Gia	Tường	11A9	8
31	Trần Nguyên	Phát	11A9	8
32	Nguyễn Nhật	Long	11A15	7,8
33	Nguyễn Thúy	Vy	11A15	7,8
34	Trương Phúc Duy	Lộc	11A8	7,4
35	Phan Trọng	Phúc	11A12	7,3
36	Võ Thái Thành	Nghĩa	11A13	7,3
37	Trần Thị Ngọc	Mai	11A15	7
38	Lưu Đức	Khánh	11A8	
39	Phan Thị Hồng	Nhung	11A14	

Tổng cộng danh sách có 39 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A11 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Dương Ngọc Lâm	Tuyền	11A6	9,6
2	Lê Thị Mỹ	Uyên	11A6	9,4
3	Nguyễn Hoài	Phong	11A6	9,3
4	Nguyễn Hồng Huỳnh	Mai	11A6	9,2
5	Nguyễn Thị Phương	Dung	11A7	9,1
6	Nguyễn Ngọc	Hân	11A15	9,1
7	Trịnh Gia	Lâm	11A9	9
8	Lê Thảo	Minh	11A6	9
9	Lê Thị Minh	Nguyệt	11A6	9
10	Huỳnh Ngọc Kiều	Khuong	11A7	9
11	Trần Thị Thu	Hiên	11A8	9
12	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	11A11	9
13	Phạm Thị Anh	Thư	11A6	8,8
14	Bùi Mỹ	Phú	11A9	8,8
15	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	11A12	8,8
16	Đinh Thị Thanh	Trúc	11A12	8,8
17	Nguyễn Phan Anh	Quốc	11A7	8,7
18	Nguyễn Thị Xuân	Trang	11A10	8,7
19	Võ Thị Trúc	Giang	11A11	8,7
20	Đoàn Thị Mẫn	Trúc	11A11	8,7
21	Phan	Quân	11A14	8,7
22	Lê Thị Ngọc	Bích	11A12	8,6
23	Lê Phạm Yến	Nhi	11A12	8,6
24	Võ Thị Thanh	Trúc	11A15	8,6
25	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	11A15	8,6
26	Phạm Trọng	Phúc	11A14	8,6
27	Huỳnh Hồng	Vy	11A15	8,6
28	Phan Hoài	Bảo	11A7	8,5
29	Hồ Thị Diễm	Hương	11A8	8,5
30	Lê Thị Thuý	Trâm	11A9	8,5
31	Bùi Thị Mỹ	Lan	11A9	8,5
32	Nguyễn Tấn	Trung	11A12	8,5
33	Phan Mai	Trình	11A7	8,4
34	Nguyễn Duy	Thái	11A7	8,4
35	Hà Xuân	Hiếu	11A8	8,4
36	Trần Thị Minh	Mẫn	11A8	8,4
37	Phan Thị Huỳnh	Trâm	11A9	8,4
38	Trần Thị Ngọc	Thảo	11A9	8,4
39	Nguyễn Phước Huỳnh	Mai	11A10	8,4
40	Huỳnh Lê	Minh	11A11	8,4
41	Kiên Thị Anh	Thư	11A13	8,4
42	Lê Thị Quỳnh	Giao	11A11	8,3
43	Nguyễn Thị Minh	Thư	11A12	8,3
44	Hoàng Kiều	Anh	11A14	8,3
45	Nguyễn Minh	Trọng	11A8	8,3

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A12 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	11A14	8,3
2	Nguyễn Thị Kim	Anh	11A7	8,2
3	Phạm Thị Thanh	Thúy	11A7	8,2
4	Huỳnh Thị Ngọc	Điệp	11A13	8,2
5	Ngô Trung	Cần	11A7	8,1
6	Tổng Ngọc	Hân	11A8	8,1
7	Huỳnh Thanh	Phong	11A7	8,1
8	Nguyễn Trần Tường	Vi	11A7	8,1
9	Lê Thị Thu	Hương	11A9	8
10	Mai Văn Vũ	Hoàng	11A9	8
11	Nguyễn Công	Danh	11A7	7,9
12	Thạch Hoàng	Oanh	11A8	7,9
13	Huỳnh Rô	Bin	11A11	7,9
14	Phan Đức	Anh	11A7	7,8
15	Nguyễn Ngọc	Thuận	11A7	7,8
16	Trần Huỳnh Ngọc	Trâm	11A7	7,8
17	Bùi Trọng	Nhân	11A7	7,7
18	Đỗ Ngọc Kiều	Vi	11A7	7,7
19	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	11A11	7,7
20	Huỳnh Trọng Vĩnh	An	11A7	7,6
21	Trương Tuấn Thảo	Nguyên	11A8	7,6
22	Dương Thị Thanh	Hương	11A9	7,5
23	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	11A10	7,5
24	Trần Đặng Đăng	Khoa	11A11	7,5
25	Nguyễn Thị Mai	Phương	11A7	7,4
26	Huỳnh Duy	Khanh	11A8	7,4
27	Lê Ngọc Yến	Phương	11A8	7,4
28	Lê Thị Yến	Thy	11A8	7,4
29	Lê Hoàng Uyên	Phương	11A9	7,4
30	Nguyễn Thái	Bảo	11A8	7,3
31	Lê Thị Anh	Thư	11A8	7,3
32	Vũ Nguyễn Thái	Bình	11A9	7,3
33	Nguyễn Thị Huỳnh	Hân	11A8	7,2
34	Phạm Thị Như	Huỳnh	11A8	7,1
35	Lê Dương Mỹ	Phượng	11A8	7,1
36	Phạm Nguyễn Hoàng Phi	Yến	11A10	7
37	Lại Nguyễn Yến	Nhi	11A7	6,9
38	Nguyễn Hoàng	Nam	11A13	6,8
39	Nguyễn Quốc	Anh	11A15	6,6
40	Nguyễn Trọng	Nghĩa	11A11	
41	Nguyễn Thị Bích	Du	11A15	
42	Nguyễn Phan Ngọc	Hà	11A7	

Tổng cộng danh sách có 42 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A13 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Lê Thanh	Tùng	11A11	8,3
2	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11A8	8,2
3	Phan Thị Thanh	Kiều	11A9	8,2
4	Trần Anh	Tường	11A9	8,2
5	Lê Phú	Lộc	11A7	8,1
6	Nguyễn Thanh	Tú	11A8	8,1
7	Cao Thị Huỳnh	Thư	11A8	8,1
8	Nguyễn Ngọc Kim	Cương	11A9	8,1
9	Đỗ Thị Ngọc	Hương	11A10	8
10	Trần Thị Tố	Trình	11A11	8
11	Nguyễn Thị Yên	Nhi	11A14	7,9
12	Bùi Thị Quỳnh	Như	11A11	7,9
13	Phan Thị Kim	Quỳnh	11A11	7,9
14	Nguyễn Thị Diễm	My	11A8	7,8
15	Trần Hoàng	Việt	11A8	7,8
16	Nguyễn Thanh	Nam	11A12	7,8
17	Trần Thanh	Xuân	11A10	7,8
18	Nguyễn Đăng	Khoa	11A10	7,7
19	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11A8	7,7
20	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	11A11	7,7
21	Lê Thị Phụng	Hằng	11A11	7,6
22	Huỳnh Thị Yên	Nhi	11A11	7,6
23	Nguyễn Phú	Sang	11A11	7,5
24	Huỳnh Thị Kim	Hồng	11A12	7,5
25	Lê Ngọc	Khang	11A12	7,5
26	Trương Ngọc Thanh	Kiều	11A9	7,4
27	Nguyễn Thị Kim	Khánh	11A10	7,4
28	Phan Nguyễn Hoàng	Oanh	11A10	7,4
29	Nguyễn Anh	Kha	11A11	7,4
30	Trương Quốc	Lộc	11A11	7,4
31	Phan Thành	Đạt	11A10	7,3
32	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	11A10	7,3
33	Lê Nguyễn Thảo	Vy	11A11	7,3
34	Trần Thị Tường	Vy	11A7	7,2
35	Lê Nguyễn Tâm	Như	11A9	7,1
36	Trương Quốc	Thắng	11A10	7,1
37	Phạm Thanh	Nguyên	11A13	7
38	Nguyễn Hoàng	Tuấn	11A12	6,9
39	Nguyễn Văn	Đại	11A7	6,8
40	Nguyễn Minh	Thư	11A15	
41	Đinh Thị Tuyết	Nhi	11A11	
42	Lê Kiều	Tiên	11A11	

Tổng cộng danh sách có 42 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A14 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	11A7	8,3
2	Nguyễn Thị Huyền	Trân	11A13	8,2
3	Lê Thị Ngọc	Như	11A10	8,2
4	Huỳnh Thị Kiều	Vy	11A11	8,2
5	Nguyễn Thị Đỗ	Thụy	11A11	8,1
6	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11A14	8,1
7	Võ Hoài	Phong	11A14	8,1
8	Lưu Nguyễn Thanh	Trúc	11A11	8
9	Lê Huỳnh	Như	11A12	8
10	Nguyễn Thành	Duy	11A13	7,9
11	Đoàn Thúy	Vy	11A14	7,9
12	Trương Lý Minh Châu Bảo	Ngọc	11A15	7,9
13	Trần Huỳnh	Giàu	11A9	7,8
14	Đặng Thị Kim	Giàu	11A9	7,8
15	Huỳnh Thị Diễm	Hương	11A13	7,8
16	Trần Thị Tuyết	Nhung	11A14	7,8
17	Nguyễn Ngọc	Trưởng	11A11	7,7
18	Trịnh Văn	Nên	11A12	7,7
19	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	11A12	7,7
20	Nguyễn Minh	Thy	11A11	7,6
21	Võ Thị Bích	Tuyền	11A15	7,6
22	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	11A12	7,5
23	Trương Ngọc Tú	Trình	11A12	7,5
24	Lê Ngọc Mỹ	Hạnh	11A13	7,5
25	Bùi Phước	Sang	11A11	7,4
26	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	11A12	7,4
27	Võ Vĩnh	Khang	11A13	7,4
28	Nguyễn Thị Thùy	Liên	11A13	7,4
29	Lê Trà	My	11A13	7,4
30	Huỳnh Ngọc	Thanh	11A12	7,3
31	Huỳnh Thị Diệp	Trình	11A13	7,3
32	Phạm Ngọc Hải	Đặng	11A13	7,3
33	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	11A8	7,2
34	Nguyễn Chế	Linh	11A15	7,1
35	Phạm Văn	Khánh	11A14	7
36	Nguyễn Lạc	Tiên	11A13	6,9
37	Cao Huỳnh Tấn	Phát	11A7	6,7
38	Võ Thị Thùy	Linh	11A13	6
39	Nguyễn Duy	Thiện	11A14	
40	Lê Minh	Sang	11A14	
41	Cao Ngọc Lan	Anh	11A15	

Tổng cộng danh sách có 41 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A15 NĂM HỌC 2023-2024
TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP	Điểm TB
1	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	11A9	8,3
2	Nguyễn Hoàng Nghĩa	Nhân	11A12	8,2
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11A12	8,2
4	Nguyễn Ngọc	Quý	11A8	8,2
5	Nguyễn Trần Trọng	Nghĩa	11A14	8,2
6	Phạm Công	Danh	11A15	8,1
7	Hồ Ngọc Thủy	Tiên	11A15	8,1
8	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	11A14	8,1
9	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	11A13	8
10	Đặng Thị Thúy	Huỳnh	11A15	8
11	Nguyễn Hoàng	Huy	11A12	7,9
12	Đinh Thị Kim	Ngân	11A11	7,9
13	Võ Thị Kim	Ngân	11A14	7,9
14	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Nhung	11A15	7,9
15	Mai Thái	Toàn	11A14	7,8
16	Đinh Thị Mỹ	Hằng	11A15	7,8
17	Lê Nguyễn Hoàng	Long	11A13	7,7
18	Huỳnh Võ Gia	Bảo	11A14	7,7
19	Hồ Thị Huỳnh	Như	11A15	7,6
20	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11A15	7,6
21	Lê Huỳnh Thùy	Dương	11A15	7,6
22	Mai Nhật	Phi	11A13	7,6
23	Nguyễn Thế	Hưng	11A13	7,5
24	Trần Huyền	Trân	11A13	7,5
25	Nguyễn Thanh	Thuận	11A13	7,4
26	Phạm Tiến	Phát	11A14	7,4
27	Huỳnh Chánh	Tính	11A14	7,4
28	Nguyễn Hữu	Thuận	11A14	7,4
29	Lê Huỳnh Anh	Khoa	11A13	7,3
30	Võ Hoàng	An	11A13	7,3
31	Huỳnh Lê Thị Minh	Hà	11A10	7,3
32	Đặng Thị Kim	Ngân	11A9	7,2
33	Nguyễn Ngọc Quế	Hương	11A10	7,2
34	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11A12	7,2
35	Lê Võ Minh	Hiền	11A14	7,2
36	Lê Ngọc Phương	Thùy	11A13	7,1
37	Chung Thị Diệu	An	11A15	7
38	Nguyễn Tuấn	Nhật	11A15	6,9
39	Đặng Thị Hoài	Linh	11A14	6,7
40	Nguyễn Minh	Nhật	11A14	
41	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	11A13	
42	Trương Minh	Tiến	11A11	

Tổng cộng danh sách có 42 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A16 NĂM HỌC 2023-2024
HỆ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP
1	Võ Hoài	An	11A16GDTX
2	Nguyễn Thái	Ân	11A16GDTX
3	Trần Bá Quốc	Bảo	11A16GDTX
4	Nguyễn Ngô Gia	Bảo	11A16GDTX
5	Phan Thị Kim	Chi	11A16GDTX
6	Phạm Ngọc	Duy	11A16GDTX
7	Lê Phát	Đạt	11A16GDTX
8	Trần Thanh	Đăng	11A16GDTX
9	Nguyễn Thị Hồng	Hà	11A16GDTX
10	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	11A16GDTX
11	Lê Chí	Hiếu	11A16GDTX
12	Nguyễn Trung	Hiếu	11A16GDTX
13	Hồ Gia	Huy	11A16GDTX
14	Trần Gia	Huy	11A16GDTX
15	Ngô Diệu	Huyền	11A16GDTX
16	Huỳnh Tuấn	Kha	11A16GDTX
17	Lê Quốc	Khánh	11A16GDTX
18	Phan Trí	Kiệt	11A16GDTX
19	Lê Văn	Lâm	11A16GDTX
20	Nguyễn Hoàng Phi	Líp	11A16GDTX
21	Hồ Văn	Lộc	11A16GDTX
22	Trần Trọng	Nghĩa	11A16GDTX
23	Huỳnh Hữu	Ngoan	11A16GDTX
24	Nguyễn Thái Thùy	Nguyên	11A16GDTX
25	Huỳnh Thị Hồng	Phương	11A16GDTX
26	Huỳnh Thanh	Son	11A16GDTX
27	Lê Quốc	Thịnh	11A16GDTX
28	Đoàn Thị Ngọc	Thơ	11A16GDTX
29	Võ Thị Cẩm	Tiên	11A16GDTX
30	Nguyễn Hà	Tiên	11A16GDTX
31	Châu Kiều Hoài	Tín	11A16GDTX
32	Nguyễn Từ Trung	Tín	11A16GDTX
33	Đỗ Lê Minh	Trí	11A16GDTX
34	Phan Thành	Trí	11A16GDTX
35	Nguyễn Huỳnh Tổ	Trình	11A16GDTX
36	Bùi Thái	Trọng	11A16GDTX
37	Đặng Lâm Chí	Vinh	11A16GDTX
38	Nguyễn Thị Thanh	Vy	11A16GDTX
39	Trần Nguyễn Ngọc Thùy	Vy	11A16GDTX
40	Lê Thị Hoàng	Yến	11A16GDTX

Tổng cộng danh sách có 40 học sinh./.



SỞ GD&ĐT LONG AN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A17 NĂM HỌC 2023-2024

HỆ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN - XÃ HỘI

STT	HỌ VÀ LÓT	TÊN	LỚP
1	Trần Gia	Bảo	11A17GDTX
2	Huỳnh Nguyễn Hoài	Bảo	11A17GDTX
3	Lê Quốc	Cường	11A17GDTX
4	Nguyễn Quốc	Dương	11A17GDTX
5	Nguyễn Thành	Đạt (20/10)	11A17GDTX
6	Nguyễn Thành	Đạt (19/11)	11A17GDTX
7	Cao Phước	Đăng	11A17GDTX
8	Huỳnh Thanh	Đông	11A17GDTX
9	Nguyễn Hữu	Đức	11A17GDTX
10	Lê Ngọc	Hân	11A17GDTX
11	Nguyễn Phương	Hiếu	11A17GDTX
12	Nguyễn Phạm Huy	Hoàng	11A17GDTX
13	Phan Nguyễn Bảo	Huy	11A17GDTX
14	Lê Trần Thanh	Huy	11A17GDTX
15	Nguyễn Minh	Khang	11A17GDTX
16	Trần Thanh	Khang	11A17GDTX
17	Trần Vĩnh	Khang	11A17GDTX
18	Trần Đăng	Khôi	11A17GDTX
19	Lưu Hưng	Long	11A17GDTX
20	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11A17GDTX
21	Hồ Minh	Nhật	11A17GDTX
22	Nguyễn Diệp Hoàng	Phi	11A17GDTX
23	Nguyễn Quốc	Phi	11A17GDTX
24	Nguyễn Gia	Phúc	11A17GDTX
25	Nguyễn Trọng	Phúc	11A17GDTX
26	Hồ Đăng	Quân	11A17GDTX
27	Trương Minh	Quân	11A17GDTX
28	Trần Thị Thảo	Quyên	11A17GDTX
29	Nguyễn Duy	Tân	11A17GDTX
30	Nguyễn Ngọc	Thanh	11A17GDTX
31	Huỳnh Phú	Thanh	11A17GDTX
32	Nguyễn Hoàng Uyên	Thanh	11A17GDTX
33	Đoàn Minh	Thuận	11A17GDTX
34	Trương Huỳnh Thanh	Trà	11A17GDTX
35	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	11A17GDTX
36	Cao Minh	Trí	11A17GDTX
37	Võ Vương Kim	Tuyền	11A17GDTX

Tổng cộng danh sách có 37 học sinh./.